TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2022/HS-PT
Ngày 20/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Ông Lê Hoàng Tấn

-Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 578/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Lý Phương T, do có kháng cáo của bị cáo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2021/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Lý Phương T, sinh năm 1975; tại Cần Thơ;

Nơi thường trú: 9/4A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nguyên là Chấp hành viên, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Phùng T (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/4/2019 (có mặt).

- *Người bào chữa:* Ông Đoàn Văn Đồn - Luật sư, Văn phòng Luật sư Văn Đồn thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị hại (đồng thời là bị đơn dân sự):* Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim Chung, chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:*

1. Lê Thanh C, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Nguyễn Chí Hùng M, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Số 879, ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Phương T nguyên là Chấp hành viên, Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang (Quyết định bổ nhiệm số 1391/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2013 của Tổng cục Thi hành án dân sự). Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019, T đã trực tiếp thu tiền thi hành án rồi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 185/2017/DSPT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang có nội dung *"Buộc ông Nguyễn Chí Hùng M có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Đông và bà Trang Ngọc Hoa số tiền mua đất là 268.953.800đ"*. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định thi hành án số 419/QĐ-THA ngày 06 tháng 4 năm 2018 để thi hành bản án trên.

Quá trình thi hành án, ngày 10 tháng 01 năm 2018 ông Nguyễn Chí Hùng M đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để nộp đơn yêu cầu thì gặp T, T tự giới thiệu là Chi cục trưởng đang thụ lý giải quyết hồ sơ thi hành án trên, đồng thời yêu cầu ông M nộp 11.625.000đ tiền án phí nhưng không ra biên lai với lý do chưa có biên lai. Sau đó, ngày 22 tháng 01 năm 2018, T đến nhà ông M thu số tiền 150.000.000đ (theo Biên lai thu số 0006858); ngày 01 tháng 3 năm 2018 thu số tiền 94.616.800đ (theo Biên lai số 0003155). Sau khi thu tiền, với mục đích chiếm đoạt số tiền đã thu nên T đã đến nhà ông M mượn lại 02 biên lai thu tiền với lý do là để lưu hồ sơ, do tin tưởng nên ông M đã giao 02 biên lai (bản gốc) cho T và giữ lại 02 bản phô tô, đồng thời T làm biên nhận có thu tiền thi hành án của ông M với số tiền là 244.616.800đ. Tổng cộng số tiền T đã thu của ông M là 256.241.800đ.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, ông Đông và bà Hoa tự nguyện giao đất cho ông M, ông M đi làm thủ tục sang tên đất nhưng không làm được, do hồ sơ không có biên lai thu tiền. Biết được việc T đã chiếm đoạt số tiền đã thu của mình nên ông M đã làm đơn tố cáo T và yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường số tiền 256.241.800đ cùng lãi suất phát sinh.

T khai nhận: Sau khi thu tiền của ông M, T không nộp quỹ cơ quan để trả tiền thi hành án cho vợ chồng ông Đông, bà Hoa, không nộp tiền án phí vào Ngân sách Nhà nước mà sử dụng để trả nợ và chi xài cá nhân hết. Đối với 02 biên lai thu tiền của ông M, T dùng thủ đoạn gạch chéo biên lai và giao lại Kế toán để báo hủy biên lai khi báo cáo thuế và che dấu hành vi của mình. Theo Công văn số 41/CCTHADS ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện C xác nhận: Quyển biên lai thu tiền theo đơn yêu cầu số 138/AA/2013 do T trực tiếp quản lý đã sử dụng tờ Biên lai số 0006858 ghi số tiền 150.000.000đ, biên lai này đã gạch chéo xóa biên lai và thu hồi đầy đủ 04 liên về cuống biên lai; Biên lai thu tiền số 0003155 ghi số tiền 94.616.800đ (quyển số 064/AA/2013) cũng đã gạch chéo xóa biên lai và thu hồi 04 liên đầy đủ tại cuống biên lai, thể hiện số biên lai này chưa thu tiền của đương sự và báo xóa.

2. Tại các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 44/2011/QĐ-DSST ngày 27 tháng 12 năm 2011, số 24/2012/QĐ-DSST ngày 24 tháng 7 năm 2012, số 26/2012/QĐ-DSST ngày 16 tháng 8 năm 2012, số 28/2013/QĐ-DSST ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang có nội dung: *"Buộc vợ chồng ông Trần Văn Chơi, bà Nguyễn Thị Nhịn có nghĩa vụ trả nợ tiền, vàng cho các ông, bà Trần Thị Tú, Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Thị Nâu, Trần Thị Đầy, Phạm Thị Thảo, Trần Văn Côn, Huỳnh Văn Giàu và nộp 23.653.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm"*. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã ban hành các Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 158/QĐ-CCTHA ngày 05 tháng 4 năm 2012, số 303, 304/QĐ-CCTHA ngày 18 tháng 6 năm 2012, số 350/QĐ-CCTHA ngày 07 tháng 8 năm 2012, số 140/QĐ-CCTHA ngày 29 tháng 11 năm 2013, số 369, 370/QĐ-CCTHA ngày 20 tháng 8 năm 2012 để thi hành các quyết định trên.

Quá trình tổ chức thi hành án, T đã tiến hành kê biên thửa đất số 171, 172, 156, 157 có diện tích 18.489,8m², tờ bản đồ số 01B, tọa lạc tại ấp Trường Thuận, xã Trường Long Tây, được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000218/QSDĐ cho ông Trần Văn Chơi và bà Nguyễn Thị Nhịn, đồng thời tiến hành thẩm định giá và đưa tài sản ra bán đấu giá theo trình tự tổng cộng 05 lần nhưng không có người đăng ký mua.

Thông qua người quen, ông Lê Thanh C biết được tài sản trên đang bị cưỡng chế thi hành án chưa bán được, nên đã đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện C gặp T để đăng ký mua, đồng thời ông C chủ động thỏa thuận giá đất với ông Chơi, bà Nhịn với giá 60.000.000đ/công (tổng cộng 14 công). Sau khi thỏa thuận thống nhất về giá đất với ông Chơi, bà Nhịn, ông C đến Chi cục Thi hành án gặp T thông báo kết quả thỏa thuận. Ngày 01 tháng 11 năm 2018, ông C đến phòng làm việc của T nộp tiền cọc mua đất là 200.000.000đ, T viết biên nhận nhận tiền mà không viết phiếu thu; ngày 06 tháng 12 năm 2018, T gọi ông C đến nhà ông Chơi nộp tiền để đoàn công tác đo, giao đất và yêu cầu ông C nộp 300.000.000đ, T thu lại biên nhận ghi số tiền 200.000.000đ rồi ghi phiếu thu ngày nộp là 01/11/2018 với số tiền thu là 500.000.000đ, do lúc này nước ngập nên không giao được đất cho ông C; ngày 06 tháng 12 năm 2018, T yêu cầu ông C nộp thêm số tiền 180.000.000đ tại nhà ông Chơi và ghi phiếu thu. Tổng cộng 02 phiếu thu, T đã thu của ông C số tiền là 680.000.000đ, 02 phiếu thu này T ghi theo mẫu cũ C02-THA ban hành theo Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2010, mẫu phiếu thu này không còn giá trị sử dụng (theo quy định

thì phải lập biên lai thu tiền thi hành án theo mẫu C.28-THA theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016).

Sau khi nộp tiền mua đất nhưng không được bàn giao đất, ngày 22 tháng 02 năm 2019 ông C làm đơn tố cáo T và yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường cho ông số tiền 680.000.000đ cũng lãi suất phát sinh.

T khai nhận: Sau khi thu tiền của ông C, T không nộp tiền vào quỹ Cơ quan để chi trả tiền thi hành án theo quy định, mà để sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Việc T ghi phiếu thu không đúng mẫu quy định là nhằm mục đích che dấu, không để bộ phận Kế toán và Cơ quan biết mình đã thu tiền để chiếm đoạt.

3. Ngoài ra, với phương thức, thủ đoạn tương tự, T còn chiếm đoạt các khoản tiền thi hành án, cấp dưỡng nuôi con và chi phí cưỡng chế của ông Nguyễn Văn Bảy, ông Nguyễn Linh Giang và ông Nguyễn Đăng Khoa với tổng số tiền là 29.320.000đ, cụ thể như sau:

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, thu của ông Nguyễn Văn Bảy số tiền 20.000.000đ để thi hành theo Quyết định thi hành án số 234/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang, nhưng không viết biên lai thu tiền theo quy định mà viết vào Thơ mời. Sau đó, T không nộp vào quỹ cơ quan để chi trả tiền thi hành án mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 7/2018, thu của ông Nguyễn Linh Giang 2.240.000đ tiền thi hành án cấp dưỡng để thi hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 218/QĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, nhưng không viết biên lai, không giao lại cho Chấp hành viên phụ trách mà tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, thu của ông Nguyễn Đăng Khoa và bà Thị Hiếu Thảo 11.080.000đ tiền tạm ứng kê biên tài sản theo Quyết định thi hành án số 227/QĐ-CCTHA ngày 02 tháng 3 năm 2017, nhưng không lập biên lai theo mẫu quy định, mà lập biên bản về việc giải quyết thi hành án. Số tiền này T chi cho đoàn cưỡng chế 1.000.000đ, ông Khoa và bà Thảo hỗ trợ 3.000.000đ, còn lại 7.080.000đ T tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, tổng số tiền Lý Phương T đã chiếm đoạt là 965.561.800đ. Quá trình điều tra, gia đình T và Luật sư bào chữa đã khắc phục hậu quả cho các ông Nguyễn Văn Bảy, Nguyễn Linh Giang và Nguyễn Đăng Khoa số tiền là 29.320.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2021/HS-ST ngày 05/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lý Phương T phạm tội "Tham ô tài sản".

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 353, Điều 38, các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lý Phương T 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/11/2021 bị cáo Lý Phương T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 18/11/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C kháng cáo, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo không đúng tội, xác định Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là bị hại và bị đơn dân sự là không đúng pháp luật, bản án sơ thẩm buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thực hiện thủ tục thi hành án cho ông C, ông M là không thực hiện được; đề nghị sửa án theo nội dung kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội "Tham ô tài sản" là đúng tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo 15 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là không có căn cứ, vì bị cáo là chấp hành viên đồng thời là Chi cục trưởng, thực hiện nhiệm vụ, công vụ; thu tiền của người thi hành án đúng quy định của pháp luật và bị cáo đã chiếm đoạt số tiền do bị cáo có trách nhiệm quản lý, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị cáo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C , giữ y bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trình bày: Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh của bị cáo là không phù hợp vì bị cáo dùng biên lai cũ thu tiền của ông C nên việc thu tiền của bị cáo sai quy định pháp luật; hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, chứ không phải tham ô tài sản, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh tụng: Dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra rất nghiêm trọng, đến nay cũng chưa khắc phục hậu quả nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù là phù hợp, không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhà nước, còn việc bị cáo dùng phiếu thu đúng quy định hay cũ để thu tiền của người thi hành án là cách thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm của bị cáo.

Bị cáo nhất trí lời bào chữa của luật sư cho bị cáo, không tham gia tranh tụng. Bị cáo có lời nói sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của bị cáo Lý Phương T, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đúng luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Về tội danh:

Bị cáo T là chấp hành viên, Chi cục trưởng – Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang; thực hiện nhiệm vụ, công vụ, bị cáo đã tiến hành thu tiền của 5 cá nhân với số tiền là 965.561.800 đồng theo các quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã ban hành. Ý thức của người nộp tiền để thực hiện quyết định thi hành án, tức là nộp tiền cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; việc bị cáo thu tiền mà biên lai không đúng mẫu theo mẫu cũ hoặc thu tiền chỉ ghi biên nhận, sau đó hủy biên lai đã thu tiền là cách thức, thủ đoạn nhằm che giấu, không nộp tiền thi hành án đã thu về Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nhằm mục đích chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo T là lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản số tiền 965.561.800 đồng do bị cáo quản lý của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng tội.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C: Bị cáo phạm tội "Tham ô tài sản", chiếm đoạt tài sản của Cơ quan do bị cáo quản lý; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là bị hại và là bị đơn dân sự trong vụ án là có căn cứ. Bị cáo đã thu tiền của người phải thi hành án, người mua tài sản thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là Cơ quan thi hành án có trách nhiệm tiến hành làm thủ tục thuộc thẩm quyền để người mua tài sản hợp thức hóa giấy tờ và hoàn trả tiền theo quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là phù hợp, đúng pháp luật. Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C kháng cáo cho rằng không thể thực hiện thi hành án cho ông C, ông M là không phù hợp, không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài sản, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự của Cơ quan Nhà nước trong thực thi công vụ. Bị cáo là người đứng đầu Cơ quan nhà nước nhưng không gương mẫu, lợi dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi trái pháp luật trong một thời gian dài từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2019, chiếm đoạt tài sản thi hành án do bị cáo quản lý nhiều lần, của nhiều người để tiêu xài và trả nợ cá nhân; đến nay bị cáo cũng chưa khắc phục hết hậu quả đã gây ra. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; là những tình tiết được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo đầu khung hình phạt mức án 15 năm tù, là đã xem xét, chiếu cố cho bị cáo.

[4]. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu mới, để làm căn cứ giảm nhẹ cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; lời bào chữa của vị luật sư cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lý Phương T, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2021/HS-ST ngày 05/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang như sau:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lý Phương T phạm tội "Tham ô tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353, Điều 38, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lý Phương T 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 25 tháng 4 năm 2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lý Phương T 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 và Điều 598 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 13, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 64, Điều 65, Điều 66 và Điều 67 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

Buộc bị cáo Lý Phương T có nghĩa vụ hoàn trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang số tiền là 936.241.800đ (chín trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang có trách nhiệm:

- Thực hiện thủ tục hợp thức hóa theo thủ tục thi hành án dân sự số tiền đã thu là 256.241.800đ (hai trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm đồng) để tiếp tục thi hành án cho ông Nguyễn Chí Hùng M. (Nay là Quyết định giám đốc thẩm số: 108/2022/DS-GĐT ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh)

- Thực hiện thủ tục hợp thức hóa theo thủ tục thi hành án dân sự số tiền đã thu là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng) để tiếp tục thi hành thủ tục

mua bán tài sản đấu giá theo thỏa thuận giữa ông Lê Thanh C với ông Trần Văn Chơi và bà Nguyễn Thị Nhịn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lý Phương T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 40.087.254đ (bốn mươi triệu không trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

II. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lý Phương T phải chịu 200.000 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang phải chịu 200.000 đồng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1)
- TAND tỉnh Hậu Giang (1);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang (1);
- CA tỉnh Hậu Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang (2) (để tống đạt cho bc 1b);
- Đương sự (3);
- Lưu HS (1) VT (6).